

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ QUỐC TẾ HÓA VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

TS. NGUYỄN THỊ KIM THOA*

1. Khái quát về quốc tế hóa trong giáo dục đào tạo

“Quốc tế hóa giáo dục là xu hướng mang tính toàn cầu, nhằm chia sẻ những kinh nghiệm tốt nhất giữa các quốc gia về mọi lĩnh vực trong giáo dục, từ đào tạo tới nghiên cứu, từ phương pháp dạy học tới biên soạn giáo trình, từ việc sử dụng công nghệ trong giáo dục tới các nguồn tài liệu học tập, từ các vấn đề về giáo viên tới các vấn đề quản lý, kiểm định và đánh giá chất lượng. Toàn cầu hóa giáo dục nhằm mục đích cải tổ quá trình học tập cho tất cả mọi người và xây dựng những nguyên tắc, giá trị chung giữa các nền giáo dục trong bối cảnh thế giới đang tiến tới nền kinh tế trí thức toàn cầu” (GS. Mai Trọng Nhuận).

Theo J. Knight (1993), quốc tế hóa giáo dục đại học là quá trình hội nhập quốc tế về giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ của các đại học trên thế giới. Theo Hans De Wit (2011), quốc tế hóa trong giáo dục đại học tại Châu Âu đã hình thành và phát triển từ 20 năm trước, đầu tiên chỉ là một mối quan tâm thứ yếu nhưng dần đã trở thành một nhân tố trung tâm.

Từ năm 1978, Đặng Tiểu Bình đã chỉ thị phải quốc tế hóa nhanh chóng, toàn diện và triệt để nền giáo dục Trung Quốc. Với Việt Nam, năm 1994 tại một Hội nghị về đổi mới giáo dục, đã khuyến nghị cần phải “hội nhập quốc tế” nhanh chóng và triệt để về giáo dục, nhưng vẫn gìn giữ được bản sắc dân tộc.

Thực tế “Hóa rồng” Kinh nghiệm - Thực tiễn nhờ giáo dục của một số quốc gia trong vòng 25, 50 hoặc 100 năm qua, như Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc,... là khoa học, giáo dục, nguồn nhân lực và nói cho rõ hơn là nhà nước đã thực sự hiểu vai trò quốc sách hàng đầu của khoa học, giáo dục và quan tâm, chỉ đạo, đầu tư quyết liệt cho nó. Nhật Bản có Vua Minh Trị, Singapore có Lý Quang Diệu, Hàn Quốc có Park Chung Hee, Trung Quốc có Đặng Tiểu Bình,... Nhiều nguyên nhân, bài học kinh nghiệm quý báu của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức đã được phân tích và đúc kết rất công phu trong một số

đề tài nghiên cứu mấy năm trước đây. Tuy nhiên, trong 5 hay 7 nguyên nhân “hoá rồng” đã được đúc kết của các nước này, tôi vẫn cứ muốn tìm hiểu tận cùng xem đâu là bài học kinh nghiệm về hội nhập quốc tế trong giáo dục Việt Nam hiện nay.

2. Kinh nghiệm về hội nhập quốc tế trong giáo dục đào tạo của các nước

2.1. Nhật Bản

Chúng ta đã chứng kiến câu chuyện thần kỳ về việc vua Minh Trị (1852-1912) đã canh tân đưa Nhật Bản phát triển lên thành một quốc gia hiện đại, thoát khỏi nguy cơ trở thành một nước thuộc địa. Nhật Bản cũng tự xác định, nước mình không được ưu ái gì về tài nguyên thiên nhiên, ngược lại còn bị động đất liên miên, nên ngay từ đầu họ đã chú ý xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên con người. Tinh thần thời mở cửa của vua Minh Trị được thể hiện cụ thể trong công thức “Tinh thần, đạo đức phương Đông và khoa học phương Tây” (“Eastern ethics and Western science”) do nhà công nghệ nổi tiếng Sakuma Sho-zan (1811-1864) đề xuất. Vua Minh Trị, một mặt mời các nước tư bản phương Tây vào làm ăn buôn bán, mặt khác cử hơn 200 thanh niên, sinh viên, chuyên gia trên một chuyến tàu đi tham quan học tập một năm rưỡi vòng quanh thế giới, qua Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nga,... Đến nước nào Đoàn cũng để lại người tiếp tục học tập và nghiên cứu, quá nửa là ở Mỹ. Ngay từ ngày ấy nước Nhật đã có sự lựa chọn rất chiến lược và cụ thể cần học cái gì, học ở đâu. Sau Minh Trị duy tân, Nhật Bản đã học hỏi khoa học y tế và quân sự từ nước Đức, hải quân thì phần lớn học từ nước Anh và mỹ thuật, luật dân sự từ nước Pháp. Sau chiến tranh Thế giới thứ II, họ tiếp tục học được nhiều kỹ thuật quan trọng từ công nghiệp sản xuất xe hơi của Mỹ, khoa học hạt nhân của Pháp, công nghiệp sản xuất máy móc và dược phẩm của Đức.

2.2. Trung Quốc

Theo đánh giá của Trung Quốc và các nước, các tổ chức quốc tế, sở dĩ kinh tế Trung Quốc tăng trưởng

* Trường Đại học Công đoàn

liên tục hơn 10% trong suốt 30 năm qua, một nguyên nhân cơ bản là nguồn nhân lực của nước này có chất lượng cao. Để đạt được điều này, Trung Quốc đã hiện đại hoá, quốc tế hoá nền giáo dục nước mình trong việc thiết kế chương trình, sách giáo khoa, kiểm tra, đánh giá theo chuẩn mực quốc tế, đào tạo giáo viên và xây dựng cơ sở vật chất. Trung Quốc chủ trương dùng tối đa các chương trình, sách giáo khoa hiện đại quốc tế và giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh các môn khoa học, công nghệ, tăng cường mời giáo sư, chuyên gia, hiệu trưởng, viện trưởng là Hoa kiều hoặc người nước ngoài.

Từ năm 1978, sau chuyến thăm Mỹ về, Đặng Tiểu Bình đã bắt đầu nhiều cải cách quan trọng trong phát triển kinh tế, trong đối nội, đối ngoại, nói riêng là trong khoa học và giáo dục của Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình đã chỉ đạo: Muốn Trung Quốc phát triển và hội nhập quốc tế nhanh chóng thì nền giáo dục Trung Quốc phải được quốc tế hóa trước một bước, thanh niên, học sinh, sinh viên phải tăng cường học tiếng Anh, phải lập các trung tâm học và thi TOEFL, IELTS tại các thành phố, phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và gửi học sinh, sinh viên đi du học nước ngoài, theo phương châm 12 chữ vàng “chi trì lưu học, cổ lệ hồi quốc, lai khứ tự do” (“khuyến khích du học, động viên về nước, đi về tự do”). Chính vì vậy, đã hơn 30 năm trôi qua kể từ ngày đó, nền giáo dục Trung Quốc đã tạo ra nguồn nhân lực vừa có quy mô lớn vừa có chất lượng cao, đủ sức lan toả và cạnh tranh trên toàn thế giới. Trung Quốc đã cử được gần một triệu lưu học sinh, kể cả tự túc, đi học ở trên 100 nước và vùng lãnh thổ, mà quá nửa là đi Mỹ. Một phần ba trong số này đã trở về nước trực tiếp góp phần xây dựng và phát triển Trung Hoa hiện đại, 2/3 còn lại là cầu nối và cộng tác viên quan trọng giúp Trung Quốc hợp tác, làm ăn với cả thế giới. “Về nước là yêu nước, chưa về ngay hoặc ở lại nước ngoài cũng là yêu nước”. Đó là quan điểm và chiến lược toàn cầu của Trung Quốc. Nước này phấn đấu đến năm 2049 (100 năm nước CHND Trung Hoa) sẽ có người Trung Quốc ở trong nước được nhận giải Nobel, mặc dù cho đến nay đã có không ít Hoa kiều được nhận giải Nobel, Fields và các giải thưởng cao quý khác.

2.3. Anh

Nền giáo dục Anh quốc có những nét đặc trưng khác các nền giáo dục khác và khi nói chuyện, người Anh rất tự hào về điều này. Đó là: Giáo viên và sách giáo khoa nước Anh trước hết chú ý rèn cho học sinh, sinh viên của họ học để sáng tạo chứ không học để thuộc lòng, học chỉ để có kiến thức. Có lẽ họ là những điển hình trung thành với nguyên tắc:

“Trí tưởng tượng quan trọng hơn cả kiến thức” (“Imagination is more important than knowledge”) của nhà bác học vĩ đại nhất mọi thời đại Albert Einstein, hoặc quan điểm của William A. Warrrd: “Người thầy trung bình chỉ biết nói, người thầy giỏi biết giải thích, người thầy xuất chúng biết minh họa, người thầy vĩ đại biết cách truyền cảm hứng”. Các nhà giáo dục Anh quốc thường “chê” nhà trường ở một số nước khác, vì dạy học sinh học thuộc lòng quá nhiều, vì “cứng nhắc” và “bảo thủ”. Sự tự tin đó của các học giả người Anh cũng có những cơ sở nhất định. Theo kết quả của một cuộc thăm dò ý kiến đáng tin cậy trên toàn thế giới, trong số 10 phát minh khoa học vĩ đại nhất của loài người từ xưa đến nay thì có 4 là do người Anh nắm giữ.

Trong số 10 đại học đứng hàng đầu thế giới thì trường Mỹ chiếm 7, Anh 2 và Pháp 1 (École Polytechnique, thành lập năm 1794) và bốn đại học hàng đầu thế giới là Harvard (Mỹ, thành lập năm 1636), MIT (Mỹ, 1861), Oxford (Anh, 1096) và Cambridge (Anh, 1209). Nhưng sẽ rất thú vị khi phân tích kĩ lịch sử hình thành của chúng: Harvard là “con đẻ” của Oxford và Cambridge! Nói rộng ra, nền giáo dục và đại học nước Anh đã góp phần tạo ra và tiếp tục có ảnh hưởng to lớn trong vòng hai thế kỷ vừa qua đến các nước ở Bắc Mỹ, Úc, Nam Á, nam ASEAN, Hongkong và các nước khác thuộc khối Liên hiệp Vương Quốc Anh. Có thể đây cũng là một trong các lý do làm cho tiếng Anh ngày càng trở nên phổ dụng trên toàn thế giới? Theo thống kê mấy năm trước đây của Hội đồng Anh (BC): Có 370 triệu người bản ngữ nói tiếng Anh và 375 triệu người sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ. Như vậy, có 745 triệu người nói tiếng Anh. Con số này chắc tăng nhanh lên hàng ngày. Đó là chưa kể đến hàng tỷ máy tính trên khắp thế giới này lại chỉ được con người “dạy” để “nói” tiếng Anh. Vì thế người ta nói: Tiếng Anh có nhiều nước nói nhất, còn tiếng Trung Quốc có nhiều người nói nhất.

2.4. Singapore và Malaysia

Năm 1965, Singapore tách ra thành một đảo quốc độc lập từ Malaysia và Ông Lý Quang Diệu (sinh năm 1923), cựu sinh viên luật của ĐH Cambridge, nước Anh, là Thủ tướng trong suốt 31 năm, từ 1959 cho đến 1990. Với diện tích 697,25 km², chỉ xấp xỉ bằng huyện Cần Giờ, TP. HCM, và dân số 5,1 triệu người (năm 2010), Singapore xuất phát từ một làng chài nghèo, đến nước uống cũng không có, phải mua của Malaysia. Vì thế Thủ tướng Lý Quang Diệu ngay từ đầu đã xác định rằng nước mình không có một nguồn tài nguyên nào hết, tất cả phải nhờ cái đầu, đi lên bằng cái đầu, bằng nguồn

nhân lực và tài năng. Singapore có ba nhóm người chính là Hoa, Ấn Độ và Mã Lai. Cả ba vẫn duy trì tiếng nói, văn hoá và bản sắc của mình, nhưng ngôn ngữ chính thức được sử dụng chung trong hành chính và giáo dục là tiếng Anh.

Hiện nay 20% số sinh viên trên đất Singapore là người nước ngoài, có thể bằng học bổng của Singapore, nhưng sau khi tốt nghiệp đại học, có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ thì ở lại làm việc tại Singapore để trả nợ. Một số trường phổ thông chất lượng cao và đại học có uy tín quốc tế của Singapore đã trực tiếp sang Việt Nam hoặc qua internet, tổ chức hội thảo du học, trại hè,... để tìm học sinh, sinh viên và NCS tài năng thu hút về học tập và nghiên cứu ở nước họ. Như vậy, họ không chỉ biết khai thác trí tuệ của 4-5 triệu người của mình mà cả hàng triệu người nước ngoài, nhất là người có tài. Sự khôn ngoan của họ lại làm tôi nhớ đến câu thơ rất hay của Cao Bá Quát “kho trời chung, mà vô tận của mình riêng”. Trong một số lần sang thăm và trả lời phỏng vấn tại Việt Nam, Ông Lý Quang Diệu cho rằng đó là lợi thế của nước mình trong hội nhập quốc tế và còn khuyên thế hệ trẻ nước ta ngày nay phải nhanh chóng thành thạo tiếng Anh thì mới làm ăn và cạnh tranh được trên thế giới.

Trong suốt 20 năm đầu khi mới thành lập nhà nước Singapore, Ông Lý Quang Diệu chỉ đạo Bộ Giáo dục nước này dùng luôn sách giáo khoa phổ thông của nước Anh cho trường học của mình, nhất là đối với các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Đây có lẽ là một trong số các cách nhanh nhất, khoa học nhất, tiết kiệm nhất để cập nhật, hiện đại hoá nền giáo dục và nói riêng là biên soạn sách giáo khoa, bảo đảm các nguyên tắc của khoa học sư phạm hiện đại, vì các nước phát triển lâu đời như nước Anh đã có truyền thống với nhiều chuyên gia khoa học và giáo dục rất giỏi. Đường nhiên khi viết sách giáo khoa, các tác giả người Anh đã kết hợp tài tình những kinh nghiệm truyền thống của họ được cả thế giới khâm phục với những bài học quốc tế đắt giá.

Trong khi đó Malaysia, nước láng giềng bên cạnh, thì lại chủ trương dùng tiếng Malay là chủ yếu. Kết quả là rất nhiều học sinh, sinh viên nước này bỏ ra học nước ngoài, trong đó có nhiều thanh thiếu niên, con nhà giàu, khiến mỗi năm bị chảy máu ngoại tệ nhiều tỷ Đô la Mỹ và chất lượng đại học đi xuống. Cách đây ít năm, sau 22 năm làm Thủ tướng, ông Mahathir Mohamad đã rút ra bài học kinh nghiệm đắt giá về giáo dục và yêu cầu mọi người Mã Lai hãy trở lại với tiếng Anh và cá nhân Ông gương mẫu học trước. Nói vậy thôi, nhưng có lần vào khoảng đầu

những năm 2000, khi tham dự Hội nghị thường niên của các Bộ trưởng Giáo dục ASEAN (SEAMEC) được tổ chức tại Kinabalu (Malaysia), tôi nghe Ông phát biểu tron tru bằng tiếng Anh thứ thiệt trong suốt một giờ đồng hồ mà không cần cầm giấy tờ, trợ lý, phiên dịch gì cả.

3. Bài học kinh nghiệm cho giáo dục đào tạo Việt Nam trong hội nhập quốc tế

Trong thời đại hội nhập quốc tế và thế giới phẳng ngày nay, việc tham khảo có chọn lọc những kinh nghiệm giáo dục của các nước và chú ý đến những khuyến cáo của các tổ chức quốc tế, trước hết là các cơ quan của Liên Hiệp Quốc như UNESCO, UNICEF,... sẽ giúp chúng ta giảm bớt khó khăn, bớt mảy mò và đi đúng hướng văn minh của thời đại. Và cũng chỉ khi đó, nguồn nhân lực do chúng ta tạo ra mới đủ trình độ và sức mạnh để hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trên toàn cầu.

Trong suốt thời gian qua, giáo dục đào tạo Việt Nam đã và đang cố gắng học hỏi được nhiều nhất những cái hay của thiên hạ và quan trọng hơn nữa là học hỏi ngay chính những cái tốt trong lịch sử giáo dục nước nhà, một quốc gia có nền văn hiến mấy nghìn năm, sẽ giúp chúng ta bớt “loay hoay”. Thực tế chưa có ai, chưa có nước nào trên thế giới này ngăn cấm Việt Nam học hỏi và tham khảo kinh nghiệm tốt của họ. Chúng ta học hỏi và tham khảo có chọn lọc chứ không phải sao chép. Hơn nữa, không có loại “thức ăn sẵn” nào trong giáo dục. Từ tư duy đến hành động, từ triết lý đến triển khai giáo dục, cần thiết và có thể vận dụng triệt để các bài học quốc tế và lịch sử có giá trị và phù hợp với mình. Chỉ như vậy chúng ta mới có thể hy vọng tiến nhanh hơn (so với chính mình ở giai đoạn trước) và giảm bớt dần khoảng cách so với khu vực và thế giới phát triển. Ở đây chúng tôi chưa dám nói là chúng ta sẽ “đi tắt, đón đầu” các nước có nền giáo dục tiên tiến. Vì khi ta có “tiến lên” thì họ đâu có dừng mà còn “tiến lên” với tốc độ lớn hơn. Nói theo ngôn ngữ vật lý thì không chỉ tốc độ mà gia tốc của các nước tiên tiến đều lớn hơn ta.

Đối với việc xây dựng chương trình và sách giáo khoa: Cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tham khảo có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế trong giáo dục, đặc biệt là trong việc xây dựng chương trình, sách giáo khoa. Thực tế là ngay từ những ngày đầu tiên của nền giáo dục cách mạng, Việt Nam đã chú ý đến vấn đề này. Chúng ta đã tham khảo cách làm giáo dục, tham khảo các sách giáo khoa chuẩn mực, có chọn lọc và rất cơ bản của Liên Xô (cũ), của Nga, Pháp, Mỹ, Trung Quốc và các nước XHCN khác, như: các cuốn sách giáo khoa phổ thông mỏng dính,

kiến thức rất chất lượng, nhưng về cơ bản vẫn "đủ chất" cho học sinh, kể cả "chất để làm người", dù học tiếp lên đại học ở trong hoặc ngoài nước, học cao đẳng hay đi học nghề hoặc đi làm. Ví dụ trong môn toán, các cuốn sách giáo khoa cấp II và III ngày ấy do thầy Lê Hải Châu và thầy GS. Hoàng Tụy biên soạn vừa ngắn gọn, súc tích vừa cơ bản.

Hiện nay khi biên soạn lại và hiện đại hoá sách giáo khoa chúng ta đã chú ý hơn nữa đến việc học hỏi những kinh nghiệm quốc tế. Đó là cách làm rất khoa học, tiết kiệm và hội nhập trong thời đại "thế giới phẳng" ngày nay. Nhưng chúng tôi cho rằng cần phải mạnh dạn hơn nữa trong việc tham khảo có chọn lọc và sử dụng nguồn thông tin, sách giáo khoa trên thế giới, đặc biệt là đối với các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, không chỉ ở bậc phổ thông mà ngay cả ở bậc đại học và sau đại học. Ngay cả đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn, chất liệu về cơ bản đương nhiên là của chúng ta, nhưng vẫn cần xem họ thiết kế chương trình và dạy ra sao, để học sinh chúng ta luôn tiếp cận được những tư tưởng tiến bộ nhất trong văn hoá, nghệ thuật, hiểu được và hướng tới những giá trị nhân văn cao cả của thời đại ngày nay.

4. Nội dung Chương trình hành động của ngành Giáo dục Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

Thứ nhất, tiếp tục thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đem lại từ hợp tác quốc tế cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ưu tiên nguồn vốn ODA cho các cơ sở giáo dục, vùng còn nhiều khó khăn, các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm. Ưu tiên các chỉ tiêu cho các trường/đại học, viện nghiên cứu và đào tạo trọng điểm đi học tại nước ngoài theo các đề án sử dụng ngân sách nhà nước và các chương trình học bổng của nước ngoài, đào tạo tiến sĩ cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng. Mở rộng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề; Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (thay thế Đề án 322).

Thứ hai, chủ động hội nhập với khu vực và thế giới; tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật với các tổ chức, hiệp hội giáo dục khu vực và quốc tế.

Thứ ba, tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, thông tin với các hiệp hội giáo dục khu vực và quốc tế nhằm tăng cường chất lượng đào tạo, đổi mới công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, tiếp tục

đàm phán và ký kết thỏa thuận tương đương bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Thứ tư, thực hiện tốt các chương trình học bổng cho sinh viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam; quy định về việc tiếp nhận chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy nghiên cứu và gửi chuyên gia Việt Nam sang giảng dạy, làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ các cơ sở đào tạo trong việc thực hiện trao đổi giảng viên nước ngoài đến Việt Nam tham gia giảng dạy/nghiên cứu, góp phần xây dựng môi trường giáo dục quốc tế tại Việt Nam.

Tóm lại, cần thấm nhuần sâu sắc phương châm "cơ bản, hiện đại, Việt Nam" của Đảng ta trong giáo dục phổ thông và cả đại học. "Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu", ngấm lại cả chiều dài lịch sử và hướng tới tương lai để học hỏi, để xây dựng con người Việt Nam mới, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng cũng phải đủ bản lĩnh để hội nhập và phát triển trong thế giới phẳng ngày nay, với đầy cam go, thử thách và cạnh tranh khốc liệt xảy ra trong khu vực và trên thế giới, liên quan tới phát triển bền vững, tới an ninh và chủ quyền Tổ quốc.

Như vậy, bằng những bài học và kinh nghiệm quốc tế đã chứng minh rằng hội nhập quốc tế một cách nhanh chóng, thực sự và toàn diện, từ tư duy đến hành động, là giải pháp quan trọng nhất hiện nay để đổi mới căn bản, toàn diện và phát triển nền giáo dục Việt Nam theo hướng hiện đại nhưng vẫn gìn giữ được bản sắc dân tộc. □

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020.
2. Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT Ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);
3. Tham khảo bài viết của các nhà khoa học: Nguyễn Thị Bình, Hoàng Tụy, Trần Hồng Quân, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Thiện Nhân, Phạm Vũ Luận, Nguyễn Trần Bạt, Văn Như Cương, Nguyễn Minh Thuyết, Mai Trọng Nhuận, J. Knight, Hans De Wit, Zha Qiang, Trần Văn Nhung... tại Hội thảo "Hội nhập quốc tế trong quá trình đổi mới giáo dục đại học Việt Nam" do Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực phối hợp với ĐHQG TPHCM tổ chức ngày 8/6/2014.
4. <http://vietbao.vn/Giao-duc/Giao-duc-dai-hoc-Viet-Nam-hoi-nhap-quoc-te-Nang-dong-toc-do-va-day-sinh-khi/45234796/202/Tin-nhanh-Viet-Nam-ra-the-gioi-vietbao.vn>